

QUY TRÌNH
QUẢN LÝ THÔNG TIN
HOẠT ĐỘNG BOM MÌN TỈNH QUẢNG TRỊ
Phiên bản tháng 10 năm 2021

Trung tâm Hành động bom mìn Quảng Trị - QTMAC
Đơn vị Cơ sở dữ liệu

Tel: +84 233 35 95 111
Webiste: www.qtmac.vn

© QTMAC/DBU

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	1
1. Phạm vi, đối tượng áp dụng	2
2. Định nghĩa thuật ngữ	2
3. Hệ thống báo cáo và chia sẻ thông tin khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh tại Quảng Trị	4
3.1 Quản lý thông tin hoạt động bom mìn tại Quảng Trị.....	4
3.2 Cơ sở dữ liệu hoạt động bom mìn tại Quảng Trị	4
3.3 Trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống	5
4. Nguồn lực.....	6
4.1 Nguồn nhân lực	6
4.2 Đào tạo, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn.....	7
4.3 Phần cứng.....	7
4.4 Phần mềm.....	8
4.5 Nguồn lực tài chính.....	8
5. Thu thập, kiểm tra, báo cáo dữ liệu	8
5.1 Quy trình nhập dữ liệu IMSMA.....	9
5.2 Biểu mẫu báo cáo dữ liệu.....	9
6. Quản lý chất lượng.....	9
6.1 Kiểm tra chất lượng báo cáo	10
6.2 Kiểm soát dữ liệu	10
6.3 Kiểm soát chất lượng dữ liệu địa lý	11
7. Lưu trữ, bảo mật và an toàn thông tin.....	11
8. Cung cấp, xuất bản và sử dụng thông tin.....	12
PHỤ LỤC	13
1. Quy tắc đánh mã biểu mẫu báo cáo	14
2. Quy tắc nhập dữ liệu địa lý	17

3. Quy tắc nhập dữ liệu diện tích và độ sâu.....	18
QUY TẮC NHẬP LIỆU BÁO CÁO IMSMA	19

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BMVN	Bom mìn vật nổ
CHA	Khu vực khăng định ô nhiễm bom chùm
CSDL	Cơ sở dữ liệu
QTMAC/DBU	Đơn vị Cơ sở dữ liệu thuộc QTMAC
GICHD	Trung tâm quốc tế hành động bom mìn nhân đạo Geneva
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
IMAS	Tiêu chuẩn hành động bom mìn quốc tế
IMSMA	Hệ thống quản lý thông tin hoạt động bom mìn
LR	Giải phóng đất
KPHQBM	Khắc phục hậu quả bom mìn
KSCL	Kiểm soát chất lượng
NMAS	Tiêu chuẩn hành động bom mìn quốc gia
QLCL	Quản lý chất lượng
QLTT	Quản lý thông tin
QTMAC	Trung tâm hành động bom mìn Quảng Trị
VNMAC	Trung tâm hành động bom mìn Quốc gia Việt Nam
SEDP	Lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

GIỚI THIỆU

Quản lý thông tin là một là hợp phần quan trọng trong chương trình hành động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh của tỉnh Quảng Trị và Việt Nam. Đó là một quy trình liên tục bắt đầu bằng việc xác định các yêu cầu thông tin từ tất cả các bên liên quan và sau đó là thu thập, kiểm tra, lưu trữ, phân tích và phổ biến các kết quả thông tin đầu ra một cách chính xác nhằm giúp cho chính quyền các cấp của tỉnh Quảng Trị và các tổ chức triển khai Chương trình hành động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh của tỉnh phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Để quản lý thông tin hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý hoạt động bom mìn bao gồm lập kế hoạch, quản lý chất lượng, đánh giá ưu tiên và điều phối các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh tại tỉnh Quảng Trị, đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ và tham gia của tất cả các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan đến hoạt động bom mìn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Trung tâm Hành động bom mìn tỉnh Quảng Trị (QTMAC) có trách nhiệm xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh trên phạm vi tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Thông tư 195/2019/TT-BQP.

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy trình này cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn áp dụng đối với việc thu thập, báo cáo, kiểm tra, xử lý, phân tích, lưu trữ và sử dụng thông tin dữ liệu hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh tại địa phương phục vụ cho công tác quản lý, điều hành, triển khai các hoạt động bom mìn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan tại tỉnh Quảng Trị.

2. Định nghĩa thuật ngữ

Quy chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

- Dữ liệu: thông tin ở dạng thô hoặc chưa được tổ chức.
- Hệ thống thông tin địa lý (GIS): hệ thống bao gồm phần cứng máy tính, phần mềm, dữ liệu địa lý và con người được tổ chức để thu thập, lưu trữ, cập nhật, xử lý, phân tích và hiển thị tất cả các dạng thông tin dữ liệu bom mìn có tham chiếu địa lý.
- Thông tin: dữ liệu đã được xử lý, tổ chức và trình bày ở dạng có ý nghĩa để hỗ trợ ra quyết định.
- Quản lý thông tin: một quá trình xác định và cải tiến liên tục các yêu cầu thông tin từ tất cả các bên liên quan và sau đó thu thập, kiểm tra, lưu trữ, phân tích và phổ biến các kết quả thông tin đầu ra cho các bên liên quan một cách kịp thời.
- Hệ thống quản lý thông tin hay viết tắt tiếng Anh là IMS: một hệ thống gồm các thành phần con người, quy trình, dữ liệu, phần mềm hoặc phương tiện được dùng để quản lý thông tin.
- Người sử dụng thông tin: cơ quan nhà nước, các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu nhằm mục đích phục vụ cho các hoạt động quản lý và thực hiện khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh ở địa phương.
- Kiểm soát chất lượng: là việc đo lường đầu vào và đầu ra của các quy trình theo các yêu cầu chất lượng thông tin đã thỏa thuận với các bên liên quan trong quá trình xác định thông số kỹ thuật về yêu cầu thông tin.
- Tri thức: kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm và thông qua đào tạo.
- Tọa độ địa lý: gồm hai thành phần là kinh độ và vĩ độ để xác định vị trí trên bề mặt trái đất.
- Hệ tọa độ địa lý: là một hệ tọa độ cho phép tất cả mọi điểm trên bề mặt Trái Đất đều có thể xác định được bằng một tập hợp các số có thể kèm ký hiệu. Hệ tọa độ địa lý được sử dụng trong các hệ thống thông tin hoạt động bom mìn tại Quảng Trị là hệ tọa độ cầu WGS84. Ngoài ra một số hệ tọa độ khác cũng được sử dụng như hệ tọa độ UTM, VN2000.

- Khoanh vùng khu vực: một đa giác được xác định bằng đường bao khép kín tạo bởi một dãy các tọa độ (X, Y); trong đó tọa độ điểm đầu tiên và điểm cuối cùng giống nhau, tất cả các tọa độ khác là duy nhất nhằm xác định ranh giới của một khu vực bị ô nhiễm, nghi ngờ ô nhiễm BMVN, giải phóng đất hoặc rà phá.
- Điểm tham chiếu: tọa độ địa lý của một điểm được sử dụng để chỉ dẫn trong hoạt động KPHQBM.
- Điểm mốc: tọa độ điểm tham chiếu cố định cho một khu vực bị ô nhiễm hoặc khu vực rà phá bom mìn. Điểm mốc được đặt ở một vị trí bên ngoài, có khoảng cách ngắn đến đường biên khoanh vùng khu vực ô nhiễm hoặc khu vực đã rà phá.
- Điểm bằng chứng: tọa độ địa lý của vị trí BMVN được phát hiện. Vị trí của mỗi BMVN nên được thu thập, đánh dấu và báo cáo ngay khi phát hiện. Trong trường hợp có số lượng lớn BMVN được tìm thấy ở một phạm vi rất nhỏ, có thể sử dụng một điểm tham chiếu cho nhiều BMVN này. Báo cáo số lượng BMVN được tìm thấy theo loại, tên, độ sâu và vị trí phát hiện.
- Hệ mét: hệ thống đo lường thập phân được thống nhất sử dụng tại Việt Nam. Đơn vị diện tích được sử dụng trong hệ thống thông tin KPHQBM tại Quảng Trị là m^2 , độ sâu rà phá hoặc BMVN là cm.
- Độ sâu rà phá: độ sâu tối thiểu một khu vực đã được rà phá BMVN.
- Độ sâu BMVN: độ sâu tính từ điểm cao nhất của BMVN lên đến mặt đất tự nhiên.
- Phương pháp rà phá: là phương pháp được sử dụng để rà phá BMVN trong một khu vực, bao gồm:
 - Thủ công: sử dụng công cụ hoặc các máy dò tìm bom, mìn cầm tay để dò tìm và sử dụng nhân lực để đào xử lý tín hiệu;
 - Cơ giới: sử dụng các máy móc để rà phá;
 - Dò tìm mìn sử dụng động vật: sử dụng động vật đã được huấn luyện để tìm vị trí của mìn.
- Trạng thái hoạt động: chỉ hoạt động đó đang diễn ra ở giai đoạn nào. Tình trạng của các hoạt động bao gồm:
 - Lên kế hoạch: hoạt động đã được lên kế hoạch nhưng việc triển khai chưa bắt đầu;
 - Đang diễn ra: việc triển khai hoạt động đã bắt đầu và đang diễn ra;
 - Tạm dừng: việc triển khai hoạt động đã bắt đầu nhưng hiện đang bị đình chỉ vì một lý do nào đó;
 - Hoàn thành: Việc thực hiện các hoạt động đã được hoàn thành.
- Tình trạng khu vực ô nhiễm BMVN bao gồm:
 - Mở: chưa có hoạt động giải phóng đất nào được bắt đầu thực hiện;
 - Đang tiến hành: hoạt động giải phóng đất đang diễn ra;

- Tạm dừng: hoạt động giải phóng đất đã bắt đầu nhưng bị đình chỉ vì lý do nào đó;
- Đóng: hoạt động giải phóng đất đã hoàn thành và tất cả các nỗ lực hợp lý đã được thực hiện để đảm bảo rằng khu đất đó không bị ô nhiễm;
- Các bên liên quan: cá nhân, tổ chức, đơn vị hoặc cơ quan có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp trong chương trình hành động bom mìn cấp tỉnh. Một bên liên quan có thể ảnh hưởng hoặc chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động và chính sách hành động bom mìn cấp tỉnh.

3. Hệ thống báo cáo và chia sẻ thông tin khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh tại Quảng Trị

3.1 Quản lý thông tin hoạt động bom mìn tại Quảng Trị

QTMAC sử dụng phần mềm Hệ thống Quản lý thông tin Hoạt động bom mìn IMSMA (viết tắt là IMSMA) để quản lý cơ sở dữ liệu hoạt động bom mìn tại Quảng Trị. IMSMA được triển khai theo mô hình khách/chủ trên mạng riêng ảo thông qua môi trường mạng Internet. Chương trình IMSMA chủ được thực thi tại máy chủ ở QTMAC, các chương trình IMSMA khách được cài đặt tại các máy trạm ở các tổ chức để nhập báo cáo hoạt động bom mìn của tổ chức vào IMSMA. Mỗi tổ chức được cấp tài khoản đăng nhập vào hệ thống.

IMSMA cung cấp dữ liệu cơ sở cho việc lập kế hoạch, đánh giá ưu tiên, quản lý chất lượng và điều phối hoạt động bom mìn tại Quảng Trị. Thông tin trong cơ sở dữ liệu IMSMA được chia sẻ với các tổ chức tham gia vào Hệ thống.

QTMAC/DBU có trách nhiệm quản trị hệ thống IMSMA cấp tỉnh. Ngoài ra, QTMAC/DBU còn xây dựng, phát triển một số công cụ bổ sung cho IMSMA để đáp ứng nhu cầu báo cáo, phân tích, truy xuất, quản lý chất lượng. Các công cụ được bổ sung do thiếu hoặc khó sử dụng các chức năng này trong IMSMA NG.

QTMAC thực hiện quản lý việc phân công nhiệm vụ rà phá và xử lý lưu động bằng phần mềm IMSMA.

Quản lý thông tin hoạt động bom mìn tại Quảng Trị bao gồm quản lý tài liệu, quản lý dữ liệu, quản lý chất lượng, quản lý tài nguyên, quản lý GIS.

3.2 Cơ sở dữ liệu hoạt động bom mìn tại Quảng Trị

Cơ sở dữ liệu hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh tỉnh Quảng Trị bao gồm dữ liệu về:

- Khu vực khẳng định ô nhiễm bom chùm và nghi ngờ ô nhiễm bom mìn vật nổ.

- Giải phóng đất gồm rà phá khu vực khẳng định ô nhiễm bom chùm và rà phá hỗ trợ phát triển.
- Hoạt động xử lý bom mìn lưu động EOD.
- Điều tra phi kỹ thuật và khảo sát kỹ thuật (khảo sát bom chùm).
- Tai nạn, nạn nhân bom mìn vật nổ sau chiến tranh.
- Hỗ trợ nạn nhân.
- Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ
- Phân công nhiệm vụ rà phá và xử lý lưu động
- Và các dữ liệu phụ trợ khác như: cấu trúc hành chính, danh mục vật nổ, tổ chức hoạt động bom mìn...

3.3 Trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống

3.3.1 Trung tâm Hành động bom mìn tỉnh Quảng Trị

Trung tâm Hành động bom mìn tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành và phát triển cơ sở dữ liệu hoạt động bom mìn cấp tỉnh; có nhiệm vụ:

- Chủ trì xây dựng, bổ sung, cập nhật các quy trình, dữ liệu hỗ trợ, biểu mẫu thu thập dữ liệu hoạt động bom mìn áp dụng thống nhất trên toàn tỉnh; thu thập, xử lý, cập nhật, lưu trữ và tích hợp các nguồn dữ liệu về khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh tại tỉnh Quảng Trị; đảm bảo tất cả các báo cáo dữ liệu được kiểm tra, phê duyệt, lưu trữ một cách chính xác, bảo mật và an toàn.
- Hướng dẫn, giám sát các tổ chức có hoạt động dự án bom mìn trên địa bàn tỉnh trong việc báo cáo dữ liệu hoạt động bom mìn theo biểu mẫu thống nhất trên IMSMA làm cơ sở đồng bộ hóa dữ liệu phục vụ việc khai thác, sử dụng dữ liệu và báo cáo lên cơ sở dữ liệu quốc gia tại Trung tâm hành động bom mìn quốc gia Việt Nam (VNMAC).
- Thực hiện quản lý thông tin KPHQBM sau chiến tranh tại địa phương theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Thông tư 195/2019/TT-BQP.
- Đảm bảo các điều kiện cho việc báo cáo, lưu trữ thông tin dữ liệu hoạt động bom mìn; hỗ trợ, cung cấp công cụ phần mềm, hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn nâng cao năng lực về quản lý thông tin cho cán bộ QLTT của các tổ chức để triển khai thu thập, kiểm tra, báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu về KPHQBM sau chiến tranh cho QTMAC kịp thời và chính xác.
- Định kỳ hàng tháng, báo cáo UBND tỉnh kết quả việc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu về khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Thực hiện báo cáo lên cơ sở dữ liệu quốc gia tại VNMAC kết quả hoạt động trong quý được nhập vào hệ thống quản lý thông tin KPHQBM tỉnh Quảng Trị.

3.3.2 Các tổ chức hoạt động bom mìn

- Các tổ chức hoạt động bom mìn phải tổ chức hệ thống QLTT theo quy chuẩn, có trách nhiệm thu thập, quản lý, cung cấp các thông tin KPHQBM sau chiến tranh và các thông tin khác theo Khoản 1, Điều 20 Thông tư 195; đảm bảo thông tin dữ liệu báo cáo đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm đối với thông tin báo cáo của tổ chức.
- Các tổ chức hoạt động bom mìn báo cáo đầy đủ về QTMAC thông tin kết quả các hoạt động KPHQBM trong tháng bằng các biểu mẫu thống nhất trên IMSMA trong thời hạn 10 ngày đầu tháng sau để phê duyệt, lưu trữ và tổng hợp báo cáo kịp thời.
- Các tổ chức có trách nhiệm đảm bảo thông tin báo cáo của tổ chức trên hệ thống IMSMA là đầy đủ và chính xác; bất cứ sự sai sót nào trong dữ liệu báo cáo phải được chỉnh sửa kịp thời.
- Các tổ chức có trách nhiệm cập nhật kịp thời dữ liệu báo cáo của tổ chức trên hệ thống IMSMA khi có sự thay đổi dữ liệu từ phía tổ chức có liên quan đến các báo cáo này.
- Các tổ chức hoạt động bom mìn chia sẻ dữ liệu địa lý kết quả hoạt động của tổ chức như ô lưới kết quả rà phá, khảo sát và các dữ liệu khác theo yêu cầu của QTMAC để xây dựng và hiển thị trên trang Kế hoạch hoạt động hàng tuần phục vụ công tác điều phối và quản lý hoạt động bom mìn.
- Các tổ chức hoạt động bom mìn cung cấp bản mềm/cứng báo cáo của tổ chức cho QTMAC để kiểm tra, đối chiếu dữ liệu hoạt động với báo cáo của tổ chức trên IMSMA khi có yêu cầu.

4. Nguồn lực

QTMAC/DBU và các tổ chức hoạt động bom mìn cần phải có các nguồn lực cần thiết bao gồm nhân viên được đào tạo và có kinh nghiệm để thực hiện hiệu quả và tối ưu các quy trình quản lý thông tin cùng các nguồn lực cần thiết khác bao gồm phần cứng và phần mềm đáp ứng các yêu cầu nhập, xử lý, lưu trữ, phân tích dữ liệu và chia sẻ thông tin kịp thời.

4.1 Nguồn nhân lực

Tất cả các tổ chức hoạt động bom mìn tại tỉnh Quảng Trị cần đảm bảo có đủ nhân sự thực hiện công tác quản lý thông tin và báo cáo hoạt động bom mìn của tổ chức vào hệ thống IMSMA cấp tỉnh.

Nhân sự QLTT cần đáp ứng tối thiểu một trong các năng lực sau:

- Nhập dữ liệu
- Kiểm soát chất lượng thông tin
- Quản lý và cải tiến quy trình/kết quả QLTT
- Xử lý, phân tích dữ liệu/GIS
- Quản trị hệ thống

Một vị trí công việc có thể đáp ứng một hoặc nhiều năng lực trên. Mỗi vị trí công việc phải có bản mô tả công việc chi tiết.

4.2 Đào tạo, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn

Các tổ chức hoạt động bom mìn cần đảm bảo và tạo điều kiện cho nhân viên QLTT được tham gia các khóa tập huấn quản lý thông tin nhằm cải thiện kỹ năng thông qua đào tạo và trao đổi kinh nghiệm trong quá trình làm việc.

Các tổ chức hoạt động bom mìn cần tạo điều kiện cho phép nhân viên QLTT tham gia các cuộc họp của nhân viên hoạt động và thăm hoạt động hiện trường để có hiểu biết về các hoạt động hiện trường và có thể tham gia các khóa đào tạo dành cho nhân viên trên các lĩnh vực liên quan khác.

Cán bộ quản lý và hoạt động của các tổ chức hành động bom mìn cần được đào tạo về các vấn đề cơ bản trong QLTT, để có thể tham gia thực hiện nhiệm vụ quản lý thông tin của tổ chức và hiểu thêm về các quy trình QLTT trong quá trình hoạt động.

QTMAC định kỳ thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn về quản lý thông tin hoạt động bom mìn cho nhân viên QLTT và nhân viên hoạt động của các tổ chức, đơn vị có dự án hoạt động bom mìn tại Quảng Trị và các tỉnh khác khi có yêu cầu.

4.3 Phần cứng

Thiết bị phần cứng được sử dụng ở bộ phận/đơn vị QLTT phải đáp ứng về số lượng và chất lượng, phù hợp với chức năng được yêu cầu về thu thập, xử lý, lưu trữ, phân tích và phổ biến thông tin. Phần cứng phải có khả năng hoạt động tốt dưới bất kì điều kiện chịu tải nào để đảm bảo an toàn hệ thống, thông tin dữ liệu và đáp ứng thông số kỹ thuật tối thiểu thực thi hệ thống thông tin địa lý hiệu quả. Sau đây là một số đề nghị phần cứng:

- Máy tính có thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu QLTT bao gồm dung lượng lưu trữ và phần mềm hệ thống thông tin địa lý.
- Hệ điều hành được cập nhật.
- Thiết bị ngoại vi: máy in, máy scaner, màn hình.
- Phương tiện thu thập thông tin địa lý: máy tính bảng có thể kết nối Internet wifi hoặc 4/5G, GPS.
- Phương tiện truyền thông: router, switch, Internet, email.

4.4 Phần mềm

Bộ phần mềm khuyến nghị đối với bộ phận/đơn vị QLTT gồm các phần mềm sau đây:

- IMSMA: phần mềm quản lý thông tin hoạt động bom mìn được cài đặt ở tất cả các tổ chức hoạt động KHPQBM tại Quảng Trị để nhập báo cáo kết quả hoạt động bom mìn của tổ chức vào hệ thống QLTT cấp tỉnh.
- ArcGIS Pro: là ứng dụng GIS desktop chuyên nghiệp mới nhất của ESRI. Phần mềm ArcGIS Pro cho phép khai thác, phân tích dữ liệu và hiển thị dữ liệu địa lý; tạo bản đồ 2D, 3D và xuất bản dữ liệu lên ArcGIS Online và ArcGIS Enterprise. Quản trị dữ liệu địa lý và tạo bản đồ về các khu vực ô nhiễm và tiến trình hoạt động bom mìn và phân bổ tài nguyên.
- ArcGIS Online: là ứng dụng web của ESRI cho phép chia sẻ và tìm kiếm thông tin địa lý, cũng như nội dung được xuất bản. Nó cho phép người sử dụng để tạo và kết nối, chia sẻ dữ liệu công khai trong nhóm.
- Survey123 for ArcGIS: công cụ dùng để thiết kế và thực thi các biểu mẫu thu thập dữ liệu hoạt động hiện trường.
- Collector for ArcGIS: Công cụ thu thập thông tin hoạt động hiện trường, cho phép hiển thị các bản đồ và dữ liệu hoạt động.
- Operations Dashboard for ArcGIS, ArcGIS Explorer: là ứng dụng cho phép sử dụng biểu đồ, bản đồ, và các thành phần hiển thị khác theo thời gian thực.
- ArcGIS Desktop/ArcMap: ứng dụng cơ bản của nền tảng ArcGIS để tạo, quản lý, phân tích và chia sẻ thông tin địa lý hỗ trợ ra quyết định.
- Microsoft Team/Zoom: Công cụ truyền thông hội họp trực tuyến.
- Tableau hoặc các công cụ BI khác: Công cụ tạo lập và hiển thị thông tin tổng hợp hỗ trợ ra quyết định.
- Access Staging: ứng dụng truy xuất cơ sở dữ liệu IMSMA Staging.
- PostgreSQL 3 hoặc 4: Công cụ quản lý CSDL IMSMA.
- Bộ phần mềm Microsoft: MS Office, MS Visio, MS Project, Skype,...

4.5 Nguồn lực tài chính

Cần bố trí nguồn kinh phí phân bổ cho bộ phận/đơn vị QLTT để hoạt động hiệu quả.

5. Thu thập, kiểm tra, báo cáo dữ liệu

Cơ sở dữ liệu hoạt động bom mìn cấp tỉnh liên tục được bổ sung và cập nhật thông tin, dữ liệu thu thập được từ các nguồn chính thức của các tổ chức hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh và nguồn phi chính thức từ các dữ liệu lịch sử của quân đội và các công ty rà phá thương mại trên phạm vi tỉnh Quảng Trị.

Nguồn dữ liệu chính thức được nhập vào hệ thống bằng các mẫu nhập liệu tiêu chuẩn trên IMSMA. Nguồn dữ liệu phi chính thức được cung cấp trong các định dạng khác với tiêu chuẩn IMSMA nên cần kiểm tra, xác thực, chuẩn hóa và chuyển đổi phù hợp với chuẩn báo cáo IMSMA.

QTMAC/DBU chịu trách nhiệm thu thập, xử lý và nhập các báo cáo dữ liệu thu được từ nguồn phi chính thức vào IMSMA.

5.1 Quy trình nhập dữ liệu IMSMA

- 1) Xác thực dữ liệu: trước khi nhập dữ liệu vào biểu mẫu báo cáo IMSMA, cán bộ QLTT thuộc các tổ chức hoạt động bom mìn cần kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và phù hợp của dữ liệu báo cáo. Trường hợp dữ liệu báo cáo không đầy đủ hoặc không chính xác bao gồm thông tin địa lý và đơn vị hành chính, cán bộ QLTT cần xác minh với bộ phận liên quan trong tổ chức để bổ sung, sửa đổi thông tin dữ liệu trước khi nhập vào IMSMA.
- 2) Nhập liệu vào biểu mẫu báo cáo IMSMA theo quy định tại phụ lục số 01 – Quy tắc nhập liệu báo cáo IMSMA kèm theo Quy chuẩn này, sau đó đệ trình trên IMSMA để QTMAC/DBU phê duyệt, lưu trữ chính thức vào CSDL. Trường hợp, QTMAC/DBU phát hiện thông tin báo cáo có sai sót, báo cáo sẽ được cập nhật lại trạng thái “Rejected” và gửi trả lại cho tổ chức điều chỉnh lại trên Workbench của IMSMA.
- 3) Thời hạn đệ trình các báo cáo bị trả lại (“rejected”) là 03 ngày kể từ ngày QTMAC/DBU cập nhật tình trạng báo cáo cuối cùng.

5.2 Biểu mẫu báo cáo dữ liệu

Các tổ chức hoạt động KPHQBM sau chiến tranh tại Quảng Trị có trách nhiệm thu thập và cung cấp đầy đủ kết quả hoạt động theo các mẫu nhập liệu quy định có định dạng tại phụ lục 02 - Biểu mẫu báo cáo IMSMA kèm theo Quy chuẩn này.

6. Quản lý chất lượng

Chất lượng của thông tin đầu ra từ IMSMA phụ thuộc và chất lượng dữ liệu nhập vào hệ thống. Do đó, dữ liệu đầu vào và thông tin đầu ra phải được kiểm tra, xác thực để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu chất lượng trước khi được sử dụng làm đầu vào cho các quy trình khác hoặc cung cấp cho các bên liên quan:

- Dữ liệu báo cáo đã đệ trình trên IMSMA cần được kiểm tra, xác thực nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và nhất quán trước khi lưu trữ chính thức vào cơ sở dữ liệu.

- Các thông tin đầu ra phải được kiểm tra, đối chiếu để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về chất lượng trước khi phổ biến cho các bên liên quan.

6.1 Kiểm tra chất lượng báo cáo

Công tác kiểm tra, phê duyệt báo cáo đã đệ trình trên IMSMA từ các tổ chức được thực hiện bởi cán bộ thuộc QTMAC/DBU theo hướng dẫn tại phụ lục 06 – Hướng dẫn kiểm tra chất lượng dữ liệu báo cáo IMSMA.

Cán bộ Quản trị dữ liệu/Phân công nhiệm vụ, Kiểm soát chất lượng dữ liệu cần thường xuyên kiểm tra và đảm bảo:

- Mã báo cáo không trùng lặp và tuân theo quy tắc nhập mã quy định tại phụ lục 01 - Quy tắc nhập liệu báo cáo IMSMA.
- Dữ liệu được báo cáo phải đầy đủ, chính xác và nhất quán, đặc biệt dữ liệu về địa lý, đơn vị hành chính, ngày tháng, tổ chức hoạt động, vật nổ, diện tích, độ sâu và số người hưởng lợi phân tách theo độ tuổi.
- Tất cả các báo cáo bắt buộc liên kết đến địa điểm thực hiện nhiệm vụ và các báo cáo khác (theo quy tắc nghiệp vụ).
- Dữ liệu địa lý bao gồm tọa độ tham chiếu, khoanh vùng khu vực phải phù hợp với địa điểm thực hiện nhiệm vụ; tọa độ vật nổ bắt buộc nằm trong khoanh vùng khu vực rà phá, khảo sát; chỉ nhập duy nhất một khoanh vùng giải phóng đất trong báo cáo Giải phóng đất, trường hợp đặc biệt cần liên hệ QTMAC/DBU để được hướng dẫn; diện tích khoanh vùng CHA tối đa được xác định dựa trên thỏa thuận giữa QTMAC, NPA và các tổ chức hoạt động bom mìn liên quan; mã khoanh vùng phải được đặt tên nhất quán, phản ánh hoạt động ở khu vực; đính kèm đầy đủ thông tin dữ liệu bổ sung.

6.2 Kiểm soát dữ liệu

Để đảm bảo thông tin dữ liệu lưu trữ trong CSDL là chính xác, đầy đủ và nhất quán, việc kiểm tra thường xuyên sẽ được thực hiện bởi cán bộ Xử lý dữ liệu bằng phương pháp:

- Truy vấn dữ liệu trong cơ sở dữ liệu với mục đích xác định thông tin không đầy đủ.
- Truy vấn dữ liệu với mục đích xác định dữ liệu trùng lặp.
- Truy vấn dữ liệu với mục đích xác định dữ liệu không chính xác, không nhất quán.
- Truy vấn dữ liệu với mục đích xác định các trường hợp dữ liệu không liên quan.
- Truy vấn cơ sở dữ liệu địa lý để xác minh tính đúng và chính xác của dữ liệu địa lý.
- So sánh, đối chiếu tổng hợp số liệu với bộ phận QLTT của các tổ chức định kỳ hàng tháng, quý.

6.3 Kiểm soát chất lượng dữ liệu địa lý

Hoạt động bom mìn vốn gắn liền với thông tin địa lý, tất cả các báo cáo kết quả hoạt động KPHQBM sau chiến tranh đều có tham chiếu địa lý gồm tham chiếu vị trí hoạt động, tham chiếu vị trí vật nổ được tìm thấy. Các hoạt động khảo sát, rà phá thường gắn với một khu vực địa lý trên đó các tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm xác định phạm vi khu vực được xác định ô nhiễm BMVN hoặc phạm vi khu vực đất đai được giải phóng khỏi ô nhiễm BMVN. Thông tin địa lý của khu vực ô nhiễm BMVN hoặc khu vực giải phóng đất cần được ghi lại chính xác và phân tích phục vụ việc lập kế hoạch, đánh giá tối ưu.

Cán bộ GIS cần định kỳ kiểm tra và đảm bảo:

- Các lớp bản đồ nền cho các khu vực hoạt động của chương trình hành động bom mìn của tỉnh có sẵn và được cập nhật.
- Tất cả thông tin địa lý trong IMSMA được kiểm tra tính đúng đắn, tính đầy đủ, tính logic, tính nhất quán của dữ liệu, mối quan hệ ràng buộc không gian và được đối chiếu với bản cứng.
- Các yêu cầu về độ chính xác, chi tiết và cập nhật dữ liệu không gian địa lý được xác định rõ và được ghi lại.
- Cơ sở dữ liệu địa lý trích xuất từ IMSMA được cập nhật và chia sẻ cho các tổ chức định kỳ.
- Cung cấp các hướng dẫn, khuyến nghị đối với các tổ chức về áp dụng các tiêu chuẩn bản đồ trong hoạt động bom mìn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Cán bộ GIS thực hiện việc kiểm tra theo hướng dẫn tại phụ lục- 07 Kiểm tra chất lượng dữ liệu GIS.

7. Lưu trữ, bảo mật và an toàn thông tin

QTMAC/DBU có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu thuộc CSDL KPHQBM cấp tỉnh. Định kỳ sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu IMSMA vào cuối ngày làm việc thứ 6 hàng tuần. Lưu trữ bản sao dự phòng trên ổ cứng di động bên ngoài và thư mục BACKUP trên máy chủ FTP. Bản sao lưu dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc phần mềm hoặc phần cứng.

Cán bộ Quản trị dữ liệu/Phân công nhiệm vụ thuộc Đơn vị CSDL chịu trách nhiệm thiết lập, bảo quản bản cứng hồ sơ nhiệm vụ tại phòng hồ sơ; ghi sổ theo dõi giao nhận hồ sơ và định kỳ (hàng tháng) tổng hợp tình hình giao nhận hồ sơ nhiệm vụ.

QTMAC/DBU phải thường xuyên bảo đảm an toàn và an ninh thông tin dữ liệu gồm:

- Máy chủ IMSMA được cài đặt phần mềm chống virus chuyên dùng cho máy chủ có nguồn gốc rõ ràng, còn hiệu lực và các công cụ bảo vệ phải được cài đặt thích hợp để theo dõi, cảnh báo, ngăn chặn truy cập hệ thống trái phép.
- Duy trì hoạt động thường xuyên đảm bảo các thiết bị lưu trữ thông tin như ổ cứng máy tính, ổ cứng di động, thẻ nhớ có tình trạng kỹ thuật tốt, không bị hỏng.
- Quản trị, cấp, thu hồi tài khoản truy cập IMSMA và thư mục FTP trên máy chủ QTMAC.

8. Cung cấp, xuất bản và sử dụng thông tin

QTMAC là đầu mối cung cấp thông tin hoạt động KPHQBM sau chiến tranh ở tỉnh Quảng Trị cho các đối tượng sử dụng đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 24 Thông tư 195/2019/TT-BQP.

QTMAC cung cấp, xuất bản thông tin thông qua các hội nghị, hội thảo về KPHQBM trong và ngoài nước; các ấn phẩm, xuất bản phẩm: sách, tạp chí, tờ rơi...; trang thông tin điện tử của QTMAC tại địa chỉ www.qtmac.vn; báo cáo cho các cơ quan hữu quan, nhà tài trợ; và các phương thức hoạt động thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có nhu cầu sử dụng thông tin KPHQBM sau chiến tranh ở tỉnh Quảng Trị gửi văn bản về QTMAC đề nghị cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại phụ lục 03 – Mẫu xin cung cấp thông tin hoạt động bom mìn kèm theo Quy chuẩn này.

QTMAC có trách nhiệm tiếp nhận, trả lời yêu cầu cung cấp thông tin cho cá nhân, tổ chức trong thời hạn 03 ngày làm việc trừ trường hợp đặc biệt; cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cho đối tượng yêu cầu cung cấp thông tin. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho đối tượng yêu cầu cung cấp thông tin biết.

Các tổ chức, đơn vị khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh ở tỉnh Quảng Trị có quyền được cung cấp thông tin, được kết nối, sử dụng CSDL KPHQBM cấp tỉnh phục vụ lập kế hoạch và quản lý hoạt động theo quy định; không được cung cấp cho bên thứ ba các thông tin, dữ liệu trích xuất từ CSDL KPHQBM của tỉnh khi chưa có sự đồng ý của QTMAC, nếu được phép cung cấp thì cần ghi rõ nguồn dữ liệu từ CSDL KPHQBM tỉnh Quảng Trị tại QTMAC; thông báo kịp thời cho QTMAC thông tin về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã được cung cấp.

PHỤ LỤC

TT	KÝ HIỆU	TÊN
01	Phụ lục 01	Quy tắc nhập liệu báo cáo IMSMA
02	Phụ lục 02	Biểu mẫu báo cáo IMSMA
03	Phụ lục 03	Mẫu xin cung cấp thông tin hoạt động bom mìn
04	Phụ lục 04	Triển khai IMSMA trực tuyến
05	Phụ lục 05	Quy chuẩn biểu tượng bản đồ bom mìn tỉnh Quảng Trị
06	Phụ lục 06	Hướng dẫn kiểm tra chất lượng dữ liệu báo cáo IMSMA
07	Phụ lục 07	Hướng dẫn kiểm tra chất lượng dữ liệu địa lý (GIS)

QUY TẮC NHẬP LIỆU BÁO CÁO IMSMA

1. Quy tắc đánh mã biểu mẫu báo cáo

1.1 Nhân viên nhập liệu **chỉ cần** đánh *Số thứ tự cho mã Báo cáo*. Tiền tố của các mã Báo cáo sẽ được tự động tạo bởi IMSMA!

Báo cáo Hoạt động giáo dục phòng tránh bom mìn:

- Mã Báo cáo: FR-MRE-409-#####
- Mã HD GDPTBM: MRE-409-#####

1) Báo cáo Khu vực khẳng định nguy hiểm

- Mã Báo cáo: FR-HAZ-409-#####
- Mã KV KĐNH: HAZ-409-#####

2) Báo cáo Gom nhật phá huỷ lưu động (EOD)

- Mã Báo cáo: FR-HR-EOD-409-#####
- Mã EOD: HR-EOD-409-#####

3) Báo cáo Rà phá hiện trường cố định hàng tháng (BAC Monthly)

- Mã Báo cáo: FR-HR-CLP-409-#####
- Mã BAC: HR-CLP-409-#####

4) Báo cáo Hoàn thành rà phá hiện trường cố định (BAC Completion)

- Mã Báo cáo: FR-HR-CLC-409-#####
- Mã BAC : HR-CLC-409-#####

5) Báo cáo Đình chỉ rà phá hiện trường cố định (BAC Suspension)

- Report ID: FR-HR-CLS-409-#####
- Mã BAC: HR-CLS-409-#####

6) Báo cáo Tai nạn bom mìn

- Mã Báo cáo: FR-INC-409-#####
- Mã tai nạn: INC-409-#####

7) Nạn nhân bom mìn

- Mã Báo cáo: FR-VIC-409-#####-##

- Mã nạn nhân: VIC-409-#####-## (Số thứ tự của mã tai nạn + 02 chữ số)

8) Hỗ trợ nạn nhân bom mìn (module mới này đang được GICHD phát triển)

- Mã báo cáo: FR-VA-409-#####-##-##
- Mã Hỗ trợ nạn nhân: VA-409-#####-##-## (Số thứ tự Mã nạn nhân + 02 chữ số)

1.2 Để tránh trùng lặp khi nạp dữ liệu từ các tổ chức khác nhau, **Quy định đánh Số thứ tự trong mã Báo cáo** được áp dụng như sau:

Tổ chức	Số bắt đầu	Dãy số của Số thứ tự (06 chữ số: #####)	Ví dụ
QTMAC/DBU	0	000000 to 099999	FR-INC-409-000001; INC-409-000001; FR-VIC-409-000001-01;
Quân đội	1	100000 to 199999	FR-HAZ-409-100001; HAZ-409-100001
PTVN	2	200000 to 299999	FR-HR-EOD-409-200001; HR-EOD-409-200001
CPI	3	300000 to 399999	FR-VIC-409-300001-01; VIC-409-300001-01
SODI	4	400000 to 499999	FR-HR-CLP-409-400001; HR-CLP-409-400001
MAG	5	500000 to 599999	FR-HR-CLS-409-500001; HR-CLS-409-500001
NPA/RENEW	6	600000 to 699999	FR-HAZ-409-600001; HAZ-409-600001;
CRS	7	700000 to 799999	FR-HR-MRE-409-700001; HR-MRE-409-700001

Red Cross Society	8	800000 to 899999	FR-MRE-409-800001; MRE-409-800001
Reserve	9	900000 to 999999	

Có dưới mười (10) Tổ chức hành động bom mìn làm việc tại cùng một thời điểm trong một tỉnh. Mô hình của Quy định đánh Số thứ tự này có thể áp dụng được cho bất kỳ tỉnh nào khác của Việt Nam.

1.3 Chú giải các ký tự trong mã Báo cáo

Tên viết tắt	Tên đầy đủ	Chú giải
FR	Field Report	Mã Báo cáo là <u>bắt buộc</u> trong các Biểu báo cáo IMSMA để xuất dữ liệu nhiều báo cáo tại một thời điểm. Các mã khác là cần thiết cho truy vấn và phân tích dữ liệu trong các module của IMSMA. Mã báo cáo = "FR" + "-" + "Mã hoạt động", rất dễ dàng cho việc nhập liệu.
MRE	Mine/ERW Risk Education	Giáo dục phòng tránh bom mìn
HAZ	Hazard	Khu vực khẳng định nguy hiểm
HR	Hazard Reduction	Giảm thiểu Nguy cơ
EOD	Explosive Ordnance Disposal Task	Nhiệm vụ Gom nhặt phá huỷ lưu động
CLP	Clearance Progressive	Tiến trình rà phá
CLC	Clearance Completion	Hoàn thành rà phá/Giải phóng đất
CLS	Clearance Suspension	Đình chỉ rà phá. Mẫu được tạo dự phòng trường hợp đình chỉ hiện trường rà phá, thường rất ít xảy ra.
INC	Incident/Accident	Tai nạn bom mìn

VIC	Victims	Nạn nhân bom mìn
VA	Victims Assistance	Module Hỗ trợ nạn nhân sẽ được bổ sung sớm trong các phiên bản tiếp theo của IMSMA!
409	Code of Quang Tri Province	Sự mở rộng hoạt động của Dự án DBU sang các tỉnh khác và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia điều là có thể xảy ra. Do đó, mã tỉnh cần được thêm vào trong các mã Báo cáo.
#####	Running Number (06 digits)	Đây là <u>phần duy nhất</u> mà nhân viên nhập liệu của các Tổ chức báo cáo phải gõ vào!

2. Quy tắc nhập dữ liệu địa lý

2.1 Nhập dữ liệu khảo sát kỹ thuật

Đính kèm file zip của shapefile chứa thông tin các ô lưới khảo sát vào báo cáo Hoàn thành khảo sát bom chùm. Tên file zip là mã nhiệm vụ khảo sát, ví dụ TS-409-1234.zip.

2.2 Nhập khoanh vùng (đa giác) CHA

- Diện tích khoanh vùng theo thỏa thuận giữa QTMAC, NPA/RENEW và các tổ chức liên quan.

- Vị trí khoanh vùng CHA phải phù hợp với địa điểm được gán trong báo cáo CHA. Trường hợp CHA nằm trên nhiều thôn, khuyến khích lấy địa điểm là thôn có diện tích CHA lớn nhất.

- Shape ID của khoanh vùng là mã CHA của NPA/RENEW, ví dụ: CHA 0690.

- Đề nghị xác định đường biên khoanh vùng CHA theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Ranh giới xã, thôn

- Ranh giới tự nhiên: sông ngòi, đường, đồi núi...

- Trường hợp khó xác định đường biên CHA, QTMAC và NPA/RENEW cùng tham gia thống nhất về đường biên CHA.

2.3 Nhập khoanh vùng (đa giác) giải phóng đất

- Chỉ nhập duy nhất một khoanh vùng giải phóng đất đối với rà phá hiện trường CHA, là đường biên ngoài cùng bao chứa khu vực rà phá và các khu vực không rà phá được.

- Đính kèm shapefile chứa thông tin các khu vực không rà phá được (như lăng, mộ, đường, ao hồ, sông suối, nhà cửa...) vào báo cáo giải phóng đất. Tên file theo cú pháp <Uncleared>-<Mã nhiệm vụ>.<rar>, không chứa ký tự trắng. Ví dụ: Uncleared-HR-CLC-409-#####.rar. Shapefile có đầy đủ và nhất quán các trường dữ liệu như lớp GeoDataBase/UnclearedArea.

- Shape Id của khoanh vùng rà phá theo Mã nội bộ trong báo cáo rà phá.
- Đặt tình trạng khoanh vùng thích hợp, ví dụ: Rà phá/Cleared
- Nhập địa điểm trong báo cáo Giải phóng đất phải phù hợp với vị trí khoanh vùng giải phóng đất trên thực địa. Trường hợp khoanh vùng nằm trên nhiều thôn thì lấy địa điểm là thôn có diện tích khoanh vùng lớn nhất.

2.4 Nhập tọa độ tham chiếu

- Tọa độ tham chiếu phải phù hợp với địa điểm thực hiện nhiệm vụ.
- Tọa độ vật nổ bắt buộc nằm trong khoanh vùng khu vực rà phá, khảo sát.
- Đánh mã điểm phù hợp với loại điểm. Điểm bằng chứng có mã là EV###, ví dụ: EV001. Trong bảng vật nổ bắt buộc nhập mã điểm tương ứng với tọa độ của vật nổ vào trường Geolink.

3. Quy tắc nhập dữ liệu diện tích, độ sâu và vật nổ

- Đơn vị diện tích là m^2 , đơn vị độ sâu vật nổ, rà phá là cm.
- Trường hợp trong báo cáo rà phá có nhiều độ sâu thì chọn độ sâu khoanh vùng rà phá có diện tích lớn nhất làm độ sâu rà phá của báo cáo.
- Tổ chức hoạt động cung cấp thông tin bom mìn vật nổ chưa có trên CSDL IMSMA cho QTMAC/DBU để tạo bản ghi vật nổ mới.

QUY TẮC NHẬP LIỆU BÁO CÁO IMSMA

1. MẪU NHẬP LIỆU TAI NẠN BOM MÌN – ACCIDENT REPORT

1. Thông tin chung / General Information

1.1 Mã tai nạn / Accident ID:		1.2 Tổ chức quản lý / Managing Organisation:	
1.3 Ngày điều tra / Survey Date:		1.4 Tổ chức báo cáo / Reporting Organisation:	
1.5 Người điều tra / Surveyor:		1.6 Chức vụ / Position:	
1.7 Điện thoại / Phone:			

2. Thông tin về tai nạn, sự cố / Information about Accident:

2.1 Ngày tai nạn / Date of Accident:			
2.2 Địa điểm xảy ra tai nạn / Accident location: Nhập tên thôn, xã, huyện, tỉnh ở mục 2.4			
2.3 Tọa độ tham chiếu điểm tai nạn / Accident Point:			
Thông tin tọa độ / Coordinates Information:			
Kinh độ / Longitude:		Vĩ độ / Latitude:	
2.6 Mô tả điểm tham chiếu / Description of Reference Point:			

3. Thông tin khu vực tai nạn / Information about Accident Site

3.1 Kiểu khu vực xảy ra tai nạn, sự cố / Type of accident area	<input type="radio"/> Khu vực thành thị / City	<input type="radio"/> Khu vực nông thôn / Countryside
	<input type="radio"/> Khu dân cư / Residential area	<input type="radio"/> Ruộng đồng / RiceField
	<input type="radio"/> Khu hành chính Nhà nước / Gov. Building	<input type="radio"/> Khu vực thủy, hải sản / Fish Farm
	<input type="radio"/> Khu vực trồng cây nông nghiệp / Agricultral Field	<input type="radio"/> Bờ biển / On or near coastline
	<input type="radio"/> Khu vực trồng cây lâm nghiệp / Forest	<input type="radio"/> Đồi núi / Hill Area
	<input type="radio"/> Khu vực đất hoang / Abandoned Land	<input type="radio"/> Bên đường / Roadside
	<input type="radio"/> Xung quanh trường học / School	<input type="radio"/> Bên lối mòn / Path
	<input type="radio"/> Khu cơ quan, nhà máy, xí nghiệp / Office area	<input type="radio"/> Bờ sông / Riverbank
	<input type="radio"/> Căn cứ QS cũ / Old Military Installation	<input type="radio"/> Không nhớ / Do not remember
	<input type="radio"/> Khác / Other	
Ghi chú khác/Remark:		

3.2 Kiểu hoạt động xảy ra tai nạn, sự cố / Type of accident activity	<div> <input type="radio"/> Điều tra bom mìn, vật nổ / Non-technical survey <input type="radio"/> Trồng cây lâm nghiệp / Forestry </div> <div> <input type="radio"/> Khảo sát kỹ thuật / Technical survey <input type="radio"/> Sản xuất nông nghiệp / Agriculture </div> <div> <input type="radio"/> Rà phá bom mìn, vật nổ / Clearance <input type="radio"/> Sinh hoạt / Daily activities </div> <div> <input type="radio"/> Xây dựng công trình / Building construction </div> <div> <input type="radio"/> Thu gom phế liệu / Scap metal collection <input type="radio"/> Khác / Other </div>
3.3 Loại vật nổ gây tai nạn / Type of UXO caused the accident:	
Chủng loại / Category	<div> Chủng loại con / Subcategory <div>Tên vật nổ / Model</div> </div>
3.4 Hiện trường tai nạn có được đánh dấu Nguy hiểm tại thời điểm tai nạn / Was the accident site marked Dangerous at the time of accident?	<div> <input type="radio"/> Có / Yes <input type="radio"/> Không / No <input type="radio"/> Không rõ / Unknown </div>
3.5 Ảnh hưởng của tai nạn, sự cố / Impact of the accident:	<div> <input type="radio"/> Con người / Human <input type="radio"/> Đến công trình / Construction </div> <div> <input type="radio"/> Động vật / Animal <input type="radio"/> Đến trang thiết bị / Equipment </div> <div> <input type="radio"/> Không biết / Unknown </div>
3.6 Số lượng nạn nhân / Number of Persons Involved:	
3.7 Sau tai nạn hiện trường đã được kiểm tra chưa / Has the accident site been checked after the accident?	<div> <input type="radio"/> Đã kiểm tra / Yes <input type="radio"/> Không / No <input type="radio"/> Không rõ / Unknown </div>
3.8 Trước tai nạn hiện trường có được tổ chức nào rà phá chưa / Was the accident site cleared by informal deminers before the accident?	<div> <input type="radio"/> Đã rà phá / Yes <input type="radio"/> Chưa rà phá / No <input type="radio"/> Không rõ / Unknown </div>
3.9 Có xác định được vật nổ gây tai nạn không? Was there any explosive identified as the cause of the accident?	<div> <input type="radio"/> Có / Yes <input type="radio"/> Không / No <input type="radio"/> Không rõ / Unknown </div>
3.10. Danh sách nạn nhân / Victim list	

--

4. Xác nhận của tổ chức báo cáo / Verification by Reporting Organisation

Ngày / Date:	
Họ và tên / Full name:	

2. MẪU NHẬP LIỆU THÔNG TIN NẠN NHÂN BOM Mìn – VICTIM INFORMATION REPORT

1. Thông tin chung / General Information

1.1 Tổ chức quản lý / Managing Organisation:	
1.4 Tổ chức báo cáo / Reporting Organisation:	

2. Thông tin cá nhân của nạn nhân / General Information

2.1 Mã nạn nhân / Victim ID:		2.2 Họ tên / Full Name:	
2.3 Ngày sinh / Date of Birth:		2.4 Số người trong gia đình / No. of Family Members:	
2.5 Giới tính / Gender:	<input type="radio"/> Nam / Male <input type="radio"/> Nữ / Female <input type="radio"/> Không biết / Unknown		
2.6 Tình trạng hôn nhân / Marital Status:	<input type="radio"/> Độc thân / Single <input type="radio"/> Kết hôn / Married <input type="radio"/> Ly dị / Divorced <input type="radio"/> Không biết / Unknown		
2.7 Dân tộc / Ethnicity:			
2.8 Trình độ học vấn / Education:	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div> <input type="radio"/> Mù chữ / Illiterate <input type="radio"/> Tiểu học / Primary School <input type="radio"/> THCS / Secondary School <input type="radio"/> THPT / High School </div> <div> <input type="radio"/> Trung cấp nghề / Vocational School <input type="radio"/> Cao đẳng / College <input type="radio"/> Đại học / University <input type="radio"/> Không biết / Unknown </div> </div>		
2.9 Tình trạng kinh tế gia đình trước tai nạn / Family	<input type="radio"/> Nghèo / In Poverty Range <input type="radio"/> Cận nghèo / At Poverty Threshold <input type="radio"/> Khác / Other Ghi chú / Remark:		

economic state before accident			
2.10 Nghề nghiệp trước tai nạn / Occupation Before Accident:	<input type="radio"/> Nông dân / Farmer <input type="radio"/> Lao động phổ thông / Labourer <input type="radio"/> Buôn bán / Trader, Leader <input type="radio"/> Công nhân / Worker <input type="radio"/> Quân nhân / Military <input type="radio"/> Công chức / Civil Servant	<input type="radio"/> Nhân viên rà phá BM / Deminer <input type="radio"/> Sinh viên / Student <input type="radio"/> Học sinh / Pupil <input type="radio"/> Thất nghiệp / Unemployed <input type="radio"/> Khác / Other <input type="radio"/> Không biết / Unknown	
2.11 Địa chỉ gia đình / Victim Family Address:			
Tỉnh thành - Province:		Huyện thị - District:	
Xã phường - Commune:		Thôn/Bản/KP - Village:	
Địa chỉ / Address:			
Thông tin tọa độ / Coordinates Information:			
Kinh độ / Longitude:		Vĩ độ / Latitude:	
2.12 Người liên hệ / Contact Person:		2.13 Điện thoại / Phone No.:	
2.14 Thông tin bổ sung về thành viên gia đình / Additional Information about family members:		

3. Thông tin liên quan đến tai nạn / Accident related Information

3.1 Hoạt động gây tai nạn / Activity at Time of Accident:	<input type="radio"/> Chơi đùa với bom mìn / Tampering UXO <input type="radio"/> Tháo gỡ bom mìn / Dismantling UXO <input type="radio"/> Tìm phế liệu CT / Searching for war waste <input type="radio"/> Xem tháo gỡ, đứng gần / Passing, standing nearby <input type="radio"/> Săn bắn, đánh cá / Hunting, fishing <input type="radio"/> Canh tác / Farming <input type="radio"/> Tìm kiếm thực phẩm / Collecting Food <input type="radio"/> Nhặt củi lấy nước / Collecting water/wood	<input type="radio"/> Đi lại / Travelling <input type="radio"/> Phát quang cây cỏ / Clearing Vegetation <input type="radio"/> Chăn thả gia súc / Tending <input type="radio"/> Làm việc nhà / Household work <input type="radio"/> Vui chơi giải trí / Playing <input type="radio"/> Đốt lửa / Fire <input type="radio"/> Đào hố / Digging <input type="radio"/> Rà phá (nhiệm vụ) / Demining (task) <input type="radio"/> Không xác định / Not Specified <input type="radio"/> Khác / Other Ghi chú / Remark:
---	--	--

		
3.2 Bị thương hay tử vong / Killed or Injured		<input type="radio"/> Tử vong / Killed <input type="radio"/> Bị thương / Injured			
3.3 Mô tả thương tật / Injuries Description:					
Mất, cắt, điếc, mù - Loss / Amputation				Cụt không xác định phải hay trái	
Phải / Right		Trái / Left		Unknown side Amputations	
<input type="checkbox"/>	Tai / Hearing	<input type="checkbox"/>	Tai / Hearing	<input type="checkbox"/>	Điếc / Deaf
<input type="checkbox"/>	Mắt / Eyesight	<input type="checkbox"/>	Mắt / Eyesight	<input type="checkbox"/>	Đui / Blind
<input type="checkbox"/>	Cánh tay / Arm	<input type="checkbox"/>	Cánh tay / Arm	<input type="checkbox"/>	Cánh tay / Arm
<input type="checkbox"/>	Bàn, Ngón tay / Hand/Finger	<input type="checkbox"/>	Bàn, Ngón tay / Hand/Finger	<input type="checkbox"/>	Cẳng tay / Forearm
<input type="checkbox"/>	Chân / Leg	<input type="checkbox"/>	Chân / Leg	<input type="checkbox"/>	Bàn tay / Hand
<input type="checkbox"/>	Trên gối / Above Knee	<input type="checkbox"/>	Trên gối / Above Knee	<input type="checkbox"/>	Chân / Leg
<input type="checkbox"/>	Dưới gối / Below Knee	<input type="checkbox"/>	Dưới gối / Below Knee	<input type="checkbox"/>	Đùi / Thigh
<input type="checkbox"/>	Bàn, Ngón chân / Foot/Toes	<input type="checkbox"/>	Bàn, Ngón chân / Foot/Toes	<input type="checkbox"/>	Bàn chân / Foot
Tổn thương, Ảnh hưởng / Injuries					
<input type="checkbox"/>	Thính lực / Hearing Impact	<input type="checkbox"/>	Thị lực / Eye-sight Impact	<input type="checkbox"/>	Vết thương mặt / Facial wounds
<input type="checkbox"/>	Di chứng tâm thần / Mental Sequelae	<input type="checkbox"/>	Sọ não / Skull	<input type="checkbox"/>	Cột sống / Spine
<input type="checkbox"/>	Thần kinh / Mental illness	<input type="checkbox"/>	Thận / Kidney	<input type="checkbox"/>	Gan / Liver
<input type="checkbox"/>	Lách / Spleen	<input type="checkbox"/>	Ruột, HTH / Intes.- Stomach	<input type="checkbox"/>	Tim phổi / Cardio-Pulmonary
<input type="checkbox"/>	Phản mềm / Tissue - Muscles	<input type="checkbox"/>	Gãy xương / Fractures	<input type="checkbox"/>	Đa vết thương / Multi-fragment wounds
<input type="checkbox"/>	Bỏng / Burns	<input type="checkbox"/>	Khác / Other	<input type="checkbox"/>	Không xác định / Not Specified
Mô tả thêm / Injuries Comment					

3.4 Địa điểm tử vong/ Death Location:	<input type="radio"/> Tại chỗ / In Situation <input type="radio"/> Tại TTYT / At health care facility	<input type="radio"/> Trên đường đến TTYT / During transport <input type="radio"/> Khác / Other
3.5 Mức độ thường xuyên vào khu vực / How often entered area?	<input type="radio"/> Hàng ngày / Daily <input type="radio"/> Hàng tuần / Regularly <input type="radio"/> Hàng tháng / Often <input type="radio"/> Vài lần / Several times	<input type="radio"/> Ít khi / Few times <input type="radio"/> Một lần / Once <input type="radio"/> Chưa bao giờ / Never <input type="radio"/> Không biết / Unknown
3.6 Nạn nhân có nhìn thấy vật nổ / Did victim see the ordnance?	<input type="radio"/> Không / No <input type="radio"/> Không xác định / Not specified	<input type="radio"/> Có và đụng / Yes, touched it <input type="radio"/> Có và không đụng / No, not touch
3.7 Nạn nhân có tiếp cận GDPTBM / Victim received MRE?	<input type="radio"/> Có / Yes <input type="radio"/> Không / No	<input type="radio"/> Không xác định / Not specified
3.8 Nạn nhân có biết KV nguy hiểm / Victim aware area dangerous:	<input type="radio"/> Có / Yes <input type="radio"/> Không / No	<input type="radio"/> Không xác định / Not specified
3.9 Nếu biết, sao vẫn đi vào / If yes, why entered area?	<input type="radio"/> Áp lực kinh tế / Economic necessity <input type="radio"/> Áp lực bạn bè / Peer pressure	<input type="radio"/> Nhu cầu đi lại / No other access <input type="radio"/> Khác / Other
4. Thông tin sau tai nạn / Post - accident Information		
4.1 Hiện tại nạn nhân còn sống hay không / Victim Still Alive?	<input type="radio"/> Chết / Deceased <input type="radio"/> Sống / Alive <input type="radio"/> Không xác định / Not Specified	
4.2 Nghề nghiệp hiện tại / Current Occupation:	<input type="radio"/> Nông dân / Farmer <input type="radio"/> Lao động phổ thông / Labourer <input type="radio"/> Buôn bán / Trader, Leader <input type="radio"/> Công nhân / Worker <input type="radio"/> Quân nhân / Militant <input type="radio"/> Công chức / Civil Servant	<input type="radio"/> Nhân viên rà phá BM / Deminer <input type="radio"/> Sinh viên / Student <input type="radio"/> Học sinh / Pupil <input type="radio"/> Thất nghiệp / Unemployed <input type="radio"/> Khác / Other <input type="radio"/> Không biết / Unknown
4.3 Tình trạng kinh tế gia đình sau tai nạn / Family	<input type="radio"/> Nghèo / In Poverty Range <input type="radio"/> Cận nghèo / At Poverty Threshold <input type="radio"/> Khác / Other	Ghi chú / Remark:

economic state after accident	
4.4 Hiện tại nạn nhân còn đi học không / Still going to school?:	<input type="radio"/> Có / Yes <input type="radio"/> Không / No <input type="radio"/> Không biết / Unknown
4.5 Lý do bỏ học / Reason to quit schooling:	
4.6 Gia đình đã tiếp nhận hỗ trợ / Received Assistance:	<input type="radio"/> Đã tiếp nhận / Yes <input type="radio"/> Chưa tiếp nhận / No <input type="radio"/> Không biết / Unknown
5. Nhu cầu Hỗ trợ hiện tại của gia đình nạn nhân / Needs Assessment	

6. Xác nhận của tổ chức báo cáo / Verification by Reporting Organisation

Ngày / Date:	
Họ và tên / Full name:	

3. MẪU NHẬP LIỆU THÔNG TIN HỖ TRỢ NẠN NHÂN – VICTIM ASSISTANCE REPORT

1. Thông tin chung / General information

1.1 Mã hoạt động hỗ trợ / Assistance ID:	VA-409	
1.2. Tổ chức quản lý /Managing Organisation:		
1.3 Tổ chức hỗ trợ/ Assistance Given By:		
1.4 Ngày hỗ trợ / Assistance Date		
1.5 Loại hình hỗ trợ / Given Assistance	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 48%;"> <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> TM, Tiền mặt / Cash <input type="radio"/> DN, Dạy nghề / Vocational Training <input type="radio"/> KNDV, Kết nối dịch vụ / Service Link <input type="radio"/> PTSK, Phát triển sinh kế <input type="radio"/> DTCT, Điều trị chấn thương <input type="radio"/> CTCS, Cải thiện cuộc sống <input type="radio"/> KH, Khác / Others </div> <div style="width: 48%;"> <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> CVV, Cho vay vốn / Loan Capital <input type="radio"/> TVL, Tạo việc làm / Job Creation <input type="radio"/> HB, Học bổng / Scholarship <input type="radio"/> HNTL, Hòa nhập tâm lý <input type="radio"/> PHCN, Phục hồi chức năng <input type="radio"/> XDNC, Xây dựng, sửa chữa nhà cửa </div> </div>	
1.6 Số tiền / Amount		
1.7 Đơn vị tiền / Currency		

Mã và Chú giải Loại hình hỗ trợ / Code and Explanation of Assistance Type

TM	Tiền mặt / Cash	CVV	Cho vay vốn / Loan, Capital
PTSK	Phát triển sinh kế / Livelihoods Development	HB	Học bổng / Scholarship
DTCT	Điều trị chấn thương /Trauma Care, Treatment	HNTL	Hoà nhập Tâm lý xã hội /Psych. & Social Integr.
DN	Dạy nghề / Vocational Training	PHCN	Phục hồi chức năng, xe lăn, tay chân giả P&O, Wheelchairs, Rehabilitation
TVL	Tạo việc làm / Job Creation		
CTCS	Cải thiện chất lượng cuộc sống Quality of Life Improvement	XDNC	Xây dựng, sửa chữa nhà cửa Construct, Repair houses
KNDV	Kết nối dịch vụ / Service Link	KH	Khác / Others: <div style="border: 1px solid black; width: 150px; height: 20px; display: inline-block;"></div>

2. Thông tin địa lý / Geographical Information

Thông tin tọa độ / Coordinates Information:			
Kinh độ / Longitude:		Vĩ độ / Latitude:	

3. Đối tác địa phương trong hoạt động Hỗ trợ nạn nhân / Local partner of the assistance

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Sở Y Tế / Provincial Department of Health | <input type="checkbox"/> Hội Nông dân tỉnh / Provincial Farmer Union |
| <input type="checkbox"/> Trung tâm YT Huyện / District Health Center | <input type="checkbox"/> Hội Nông dân huyện / District Farmer Union |
| <input type="checkbox"/> Trung tâm YT xã / Commune Health Center | <input type="checkbox"/> Hội Nông dân xã / Commune Farmer Union |
| <input type="checkbox"/> Hội phụ nữ tỉnh / Provincial Women Union | <input type="checkbox"/> Sở LĐTBXH / DOLISA |
| <input type="checkbox"/> Hội Phụ nữ huyện / District Women Union | <input type="checkbox"/> Khác / Others: |
| <input type="checkbox"/> Hội Phụ nữ xã / Commune Women Union | |

4. Ghi chú về hỗ trợ khác, đối tác địa phương khác, nhu cầu hỗ trợ tiếp theo / Note of Others, On-going needs

--

5. Xác nhận của tổ chức báo cáo / Verification by Reporting Organisation

Ngày / Date:	
Họ và tên / Full name:	

Ghi chú: Mỗi vụ tai nạn có thể liên quan đến nhiều nạn nhân. Mỗi nạn nhân có một báo cáo thông tin riêng, trong đó bao gồm Mã Vụ tai nạn. Mỗi nạn nhân có thể được hỗ trợ nhiều đợt. Tất cả những báo cáo hỗ trợ nạn nhân, thông tin nạn nhân cùng vụ tai nạn phải đính kèm nhau và kèm với thông tin Vụ tai nạn để dễ dàng nhập liệu, lưu trữ và xử lý thông tin. Mã hỗ trợ nạn nhân có định dạng: **VA-409- ##### - ## - ##** ứng với 6 ký tự đầu sẽ là Mã tai nạn, 2 ký tự tiếp theo sẽ là số thứ tự của Mã nạn nhân, hai ký tự tiếp theo sẽ là Mã hỗ trợ nạn nhân đó.

Note: One accident might involve many victims. Each victim has one information form which includes the Accident ID. All victim forms of the same accident must be attached together and with their common Accident Form to be filed and to ease the data entry. Victim Assistance ID has format: **VA-409- ##### - ## - ##** to the first 6 digits is the Accident ID, the next 2 digits will be the victims ID, the 2 last digits will be followed by the victim assistance ID

4. MẪU NHẬP LIỆU HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÒNG TRÁNH BOM Mìn – EXPLOSIVE ORDNANCE RISK EDUCATION ACTIVITY REPORT

1. Thông tin chung / General information

1.1 Mã HĐ GDPTBM / MRE ID:		1.2 Tổ chức quản lý / Managing Organisation:	
1.3 Tổ chức báo cáo / Reporting Organisation:		1.4 Đối tác địa phương / Local Partner:	
1.4 Ngày bắt đầu / Start Date:		1.5 Ngày kết thúc / End Date:	

2. Thông tin địa lý / Geographical information

Nhập địa điểm diễn ra hoạt động bao gồm thôn, xã, huyện, tỉnh / Place of EORE including administrative info			
Thông tin tọa độ / Coordinates Information:			
Kinh độ / Longitude:		Vĩ độ / Latitude:	

3. Tổng số người tiếp nhận / Total of the participants:

Nam giới / Men (>=18)

Phụ nữ / Women (>=18)

Trẻ em trai / Boy (6-17):

Trẻ em gái / Girl (6-17)

Dân tộc thiểu số / Ethnic:

Người khuyết tật / PwDs:

4. Tổng số người cung cấp thông tin / Total Informant Number:

5. Đối tượng tiếp nhận Giáo dục phòng tránh bom mìn / Target Population received this MRE:

<input type="checkbox"/> Học sinh tiểu học / Primary School	<input type="checkbox"/> Tình nguyện viên / Volunteers
<input type="checkbox"/> Học sinh THCS / Secondary School	<input type="checkbox"/> Cộng tác viên / Facilitators
<input type="checkbox"/> Học sinh THPT / High School	<input type="checkbox"/> Đoàn Thanh niên / Youth union
<input type="checkbox"/> Giáo viên / Teachers	<input type="checkbox"/> Đại diện cộng đồng / Community Representatives
<input type="checkbox"/> Công chức / Public servants	<input type="checkbox"/> Tổ chức đoàn thể / Mass Organizations
<input type="checkbox"/> Khác / Other	<input type="checkbox"/> Nông dân / Farmer

Ghi chú khác:

6. Cấp độ truyền thông / Campaign Level:

☐ Thăm hộ gia đình

☐ Truyền thông cấp xã

☐ Truyền thông tại trường

☐ Khác

☐ Truyền thông cấp thôn

7. Loại hình hoạt động Giáo dục phòng tránh bom mìn / Type of MRE Activity:

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Lồng ghép sự kiện văn hóa thể thao
Intergration into cultural, sport events | <input type="checkbox"/> Pa-nô, Áp phích
Poster, Billboards |
| <input type="checkbox"/> Lồng ghép biểu diễn văn nghệ
Intergration into public performance | <input type="checkbox"/> Tờ rơi, hình ảnh, truyện tranh
Leaflets, Images, Comic Books |
| <input type="checkbox"/> Lồng ghép hội họp
Integration into meetings | <input type="checkbox"/> Liên lạc cộng đồng
Community liaison |
| <input type="checkbox"/> Lồng ghép vui chơi giải trí
Integration into entertainment | <input type="checkbox"/> Qua Đài phát thanh
Via Radio |
| <input type="checkbox"/> Qua hệ thống loa phóng thanh
Through loudspeaker system | <input type="checkbox"/> Qua Đài truyền hình
Via TV |
| <input type="checkbox"/> Thi vẽ tranh, sáng tác truyện, kịch bản
MRE painting, story, script competition | <input type="checkbox"/> Qua báo chí
Via Newspaper |
| <input type="checkbox"/> Giáo trình dạy học / School curriculum | <input type="checkbox"/> Qua bài trình bày / Presentation |
| <input type="checkbox"/> Khác / Other | <input type="checkbox"/> Tập huấn / Training |

8. Thông tin bổ sung / Additional Information:

--

9. Thông tin xác nhận / Information of Verification

Ngày / Date:	
Họ tên / Full name:	
Chức vụ / Position:	

--

5. MẪU NHẬP LIỆU KHU VỰC KHẲNG ĐỊNH NGUY HIỂM – CONFIRMED HAZARD AREA REPORT

1. Thông tin chung / General Information

1.1 Mã KV KDNH / CHA ID:		1.2 Mã nội bộ / Org. internal ID:	
1.3 Tổ chức / Organization:			
1.4 Cơ quan kiểm tra, giám sát chất lượng / QM Organisation:			
1.5 Tổ chức Khảo sát / Survey Organisation:			
1.6 Đội trưởng / Team Leader:		1.7 Đội báo cáo / Reporting Team:	
1.8 Ngày xác định khu vực CHA / CHA identification date:		1.9 Loại hình khu vực hoạt động bom mìn / Mine Action Area Type:	<input checked="" type="radio"/> CHA
1.10 Tình trạng / Status:	<input type="radio"/> Chưa rà / Open <input type="radio"/> Rà xong / Closed <input type="radio"/> Đang làm / Worked on <input type="radio"/> Tạm dừng / Suspended		
1.11 Phương pháp khảo sát / TS Method:	<input type="radio"/> Method V1 <input type="radio"/> Method V4 <input type="radio"/> Method V2 <input type="radio"/> Method V5 <input type="radio"/> Method V3 <input type="radio"/> 3-Phase box skip trial		
1.12 Mục đích sử dụng đất / Land Use:	<input type="radio"/> Nông nghiệp / Agricultural <input type="radio"/> Lâm nghiệp / Afforestation <input type="radio"/> Khu dân cư / Residential Area <input type="radio"/> Xây dựng hạ tầng / Development <input type="radio"/> Mục đích khác / Other <input type="radio"/> Không biết / Unknown		
Ghi chú sử dụng đất / Comment for Other Land Use:			
1.13 Người hưởng lợi / Beneficiaries:	<input type="radio"/> Cá nhân / Individual Land <input type="radio"/> Cộng đồng / Community Land		

(Ngày Bắt đầu và ngày Kết thúc chỉ là một, chính là ngày Tổ chức Khảo sát khẳng định KVNH, thông tin này cần điền để truy vấn dễ dàng hơn trong IMSMA. The Start Date and End Date are the same date which is the date that the Survey Org. decides the CHA, those dates should be filled in for easier queries in IMSMA System.)

2. Thông tin địa lý / Geographical Information

2.1 Thôn, xã, huyện, tỉnh / Enter the name of village, commune, district, province			
2.2 Thông tin tọa độ / Coordinates Information:			
Kinh độ / Long:		Vĩ độ / Lat:	
2.3 Điểm tham chiếu / Reference Point:			
2.4 Mô tả điểm tham chiếu và Thông tin tiếp cận / Description of Reference Point and Accessibility:			

Điểm khoanh vùng Khu vực Khẩn định Nguy hiểm / CHA Polygons Points:

Điểm	Kinh độ dd.ddddd	Vĩ độ dd.ddddd	Điểm	Kinh độ dd.ddddd	Vĩ độ dd.ddddd
SP			TP5		
TP1			TP6		
TP2			TP7		
TP3			...		
TP4			...		

2.6 Diện tích Khu vực Khẩn định Nguy hiểm / Area Size (m²):

3. Hiện trạng khu đất / Gound Profile**3.1 Loại thảm thực vật / Vegetation type:**

- | | | | |
|--|---|---|--|
| <input type="checkbox"/> Đồng cỏ / Grass | <input type="checkbox"/> Bụi cây nhỏ / Shrubs | <input type="checkbox"/> Bụi cây / Bushes | <input type="checkbox"/> Cây cối / Trees |
| <input type="checkbox"/> Tre / Bamboo | <input type="checkbox"/> Khác / Other | <input type="checkbox"/> Không có / None | |

3.2 Mật độ thảm thực vật / Vegetation Density

- ☒ Thấp / Low ☒ Trung bình / Medium ☒ Cao / High ☒ Không xác định / Not Specified

3.3 Phương tiện phát quang thảm thực vật / Vegetation can be removed by:

- ☐ Thủ công / Manual ☐ Cơ giới / Mechanical ☐ Máy cắt cỏ / Strimmer ☐ Kết hợp / Combined

3.4 Độ dốc địa hình / Slope

- ☒ Dốc đứng / Steep (>10°) ☒ Dốc thoải / Slight (0-10°) ☒ Bằng phẳng / Flat (0°)

3.5 Loại hình địa chất / Soil Condition

- ☒ A (Mềm / Soft) ☒ B (Trung bình / Medium) ☒ C (Cứng / Hard) ☒ D (Ấm ướt, Bùn lầy / Wet, mud)

3.6 Loại đất / Soil type:

- | | | | |
|---------------------------------------|---------------------------------------|--|--|
| <input type="checkbox"/> Cát / Sandy | <input type="checkbox"/> Đỏ / Red | <input type="checkbox"/> Gan gà / Yellow | <input type="checkbox"/> Thịt / Rich |
| <input type="checkbox"/> Sét / Clay | <input type="checkbox"/> Sỏi / Gravel | <input type="checkbox"/> Đá / Rocky | <input type="checkbox"/> Đầm lầy / Swamp |
| <input type="checkbox"/> Khác / Other | | | |

3.7 Loại hình khu vực / Type of Area

- | | | |
|--|--|--|
| <input checked="" type="radio"/> Đất hoang / Abandoned land | <input checked="" type="radio"/> Ven biển / Coast Area | <input checked="" type="radio"/> Căn cứ QS cũ / Former Military Base |
| <input checked="" type="radio"/> Đầm lầy / Swamp | <input checked="" type="radio"/> Bờ sông / River bank | <input checked="" type="radio"/> Khu dân cư / Residential Area |
| <input checked="" type="radio"/> Đồng ruộng / Agricultural Field | <input checked="" type="radio"/> Đường lớn / Road | <input checked="" type="radio"/> Đô thị / Town |
| <input checked="" type="radio"/> Đồi núi / Hilly Area | <input checked="" type="radio"/> Bên đường / Roadside | <input checked="" type="radio"/> Trụ sở hành chính / Gov. Building |
| <input checked="" type="radio"/> Rừng / Forest | <input checked="" type="radio"/> Đường mòn / Path | <input checked="" type="radio"/> Khác / Other |

3.8 Thông tin tiếp cận / Information of Accessibility**3.8.1 Phần trăm tiếp cận / Percentage of Accessibility:****3.8.2 Loại xe / Vehicle Type:**

- ☐ Hai cầu / 4WD ☐ Một cầu / 2WD ☐ Mười sáu chỗ / 16-Seat

3.8.3 Tháng không thể tiếp cận / Inaccessible Month(s):

- | | | | | | |
|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| <input type="checkbox"/> 1/Jan | <input type="checkbox"/> 2/Feb | <input type="checkbox"/> 3/Mar | <input type="checkbox"/> 4/Apr | <input type="checkbox"/> 5/May | <input type="checkbox"/> 6/Jun |
| <input type="checkbox"/> 7/Jul | <input type="checkbox"/> 8/Aug | <input type="checkbox"/> 9/Sep | <input type="checkbox"/> 10/Oct | <input type="checkbox"/> 11/Nov | <input type="checkbox"/> 12/Dec |

3.8.4 Thông tin thêm / Additional Information:

4. Đánh giá ưu tiên nhiệm vụ / Task Priority Assessment

4.1 Ngày đánh giá / Assessment Date	
4.2 Điểm / Score	
4.3 Ưu tiên rà phá / Clearance Priority:	<input type="radio"/> Cao/High (1) <input type="radio"/> Trung bình/Medium (2) <input type="radio"/> Thấp / Low (3)
4.4 Ghi chú đánh giá / Assessment Additional	

5. Xác nhận và Kiểm tra chất lượng / Verification and Quality Check

Xác nhận của Giám đốc hoạt động về nội dung và tính chính xác của Báo cáo Verification by the Operations Manager on the content and accuracy of the report		Xác nhận của Quản lý thông tin (IM) về tính đầy đủ, chính xác của tọa độ và dữ liệu Báo cáo Verification by the Information Manager on the completeness and accuracy of the data and coordinates	
Họ và tên / Name		Họ và tên / Name	
Ngày / Date		Ngày / Date	

6. MẪU NHẬP LIỆU HOÀN THÀNH KHẢO SÁT BOM CHÙM – CMRS TASK COMPLETION REPORT

1. Thông tin chung / General Information

1.1 Mã nhiệm vụ / CMRS ID:		1.2 Mã nội bộ / Org. internal ID:	
1.3 Tổ chức quản lý / Managing Organisation:			
1.4 Cơ quan kiểm tra giám sát chất lượng / QM Organisation:			
1.5 Tổ chức báo cáo / Reporting Organisation:			
1.6 Đội báo cáo / Reporting Team:		1.7 Đội trưởng / Team Leader:	
1.8 Ngày bắt đầu / Start Date:		1.9 Ngày kết thúc / End Date:	
1.10 Loại hình / Type Of Activity:	Technical survey	1.11 Tình trạng / Status:	Hoàn thành / Completed
1.12 Phương pháp khảo sát / Method:	<input type="radio"/> Method V1 <input type="radio"/> Method V2 <input type="radio"/> Method V3 <input type="radio"/> Method V4 <input type="radio"/> Method V5 <input type="radio"/> 3-Phase box skip trial		

2. Thông tin địa lý / Geographical Information

Nhập tên thôn, xã, huyện, tỉnh / Enter the name of village, commune, district, province

3. Thông tin ô khảo sát / Details of Survey Boxes

Cần nhập trong Shapefile và đính kèm vào IMSMA.

Should be entered in Shapefile and attached into IMSMA.

3.1 Thông tin từng ô (trong shapefile đính kèm)/ Details of each Survey Box (in attached shapefile):

Thông tin tọa độ / Coordinates Information:			
Kinh độ / Longitude:		Vĩ độ / Latitude:	

3.2 Tổng diện tích Khảo sát / Total of Surveyed Area (m2):

--

m²

4. Thông tin vật nổ và xử lý / Details of Items Found and Disposed

Cần nhập trong Shapefile hoặc Excel và import từng phần vào IMSMA

Should be entered in Shapefile or Excel worksheet and semi-imported into IMSMA.

SL / QTY	Tên vật nổ / Model	Nhóm / Category	Độ sâu / Depth (cm)	Kinh độ / Long	Vĩ độ / Lat

5. Thông tin bổ sung / Additional Information

--

6. Xác nhận của tổ chức báo cáo / Verification by Reporting Organisation

Ngày / Date:	
Họ và tên / Full name:	

7. MẪU NHẬP LIỆU XỬ LÝ LƯU ĐỘNG – EOD SPOT TASK REPORT

PHẦN A: THÔNG TIN BÁO CÁO / SECTION A: REPORTING INFORMATION

1. Thông tin chung / General Information

1.1 Mã nhiệm vụ / EOD ID:		1.2 Mã nội bộ / Org. internal ID:	
1.3 Tổ chức quản lý / Managing Organisation:			
1.4 Cơ quan kiểm tra giám sát chất lượng/ QM Organisation:			
1.5 Ngày giao nhiệm vụ / Tasking Date:			
1.6 Loại hình / Type Of Activity:	<input type="radio"/> Xử lý lưu động / EOD		
1.7 Tình trạng / Status:	<input type="radio"/> Khởi tạo / Open <input type="radio"/> Hoàn thành / Closed		
1.8 Nguồn thông tin Information Source:	<input type="radio"/> Đường dây nóng / Hotline <input type="radio"/> Mạng lưới GDPTBM / MRE Network <input type="radio"/> Đội hiện trường / Field Team <input type="radio"/> Khác / Other		
Ghi chú nguồn thông tin khác Comment for other information			
1.9 Tổ chức nguồn / Source Org:			
1.10 Đội báo tin / Reporting Team:			
1.11 Đội trưởng / Team Leader:			
1.12 Mục đích sử dụng đất Land Use:	<input type="radio"/> Khu dân cư / Residential <input type="radio"/> Phát triển hạ tầng / Infrastructure Development <input type="radio"/> Nông nghiệp / Agricultural <input type="radio"/> Area Lâm nghiệp / Afforestation <input type="radio"/> Khác / Other		
Ghi chú sử dụng đất Comment for Other Land Use			
1.13 Người hưởng lợi Beneficiaries:	<input type="radio"/> Cá nhân / Individual Land <input type="radio"/> Cộng đồng / Community Land		
1.14 Ưu tiên Xử lý Disposal Priority:	<input type="radio"/> Cao / High (1) <input type="radio"/> Trung bình / Medium (2) <input type="radio"/> Thấp / Low		

2. Người báo tin địa phương / Informant Details (nếu có / if applicable)

2.1 Tên / Name:		2.2 Tuổi / Age		2.3 Điện thoại/Tel:	
2.4 Địa chỉ / Address:					
2.5 Giới tính / Gender	<input type="radio"/> Nam / Male		<input type="radio"/> Nữ / Female		

3. Thông tin địa lý / Geographical Information

Nhập tên thôn, xã, huyện, tỉnh / Enter the name of village, commune, district, province

4. Thông tin báo cáo vật nổi / Details of Reported Items

4.1 Người cung cấp thông tin đã nhìn thấy vật nổi chưa / Has the informant seen the item(s)? ☐ Có / Yes; ☐ Không / No

Nếu chọn không, cung cấp thông tin người nhìn thấy ban đầu / If No, fill in the information about the first informant:

Tên, Điện thoại, Địa chỉ / Name, Phone number, Address

--

4.2 Hiện tại có nhìn thấy vật nổi đó không / Is the item visible now?: ☐ Có / Yes; ☐ Không / No

4.3 Mô tả về tình trạng, màu sắc, kích thước, chủng loại vật nổi / Description of the item status, color, size, category:

--

PHẦN B: THÔNG TIN TIẾP NHẬN / SECTION B: RESPONDING INFORMATION

1. Tổ chức tiếp nhận / Responding Org:			
2. Đội tiếp nhận / Responding Team:		3. Đội trưởng / Team Leader:	
4. Ngày tiếp nhận / Respond Date:		5. Ngày kết thúc / End Date:	

6. Các loại tọa độ điểm / Point Coordinates

Thông tin tọa độ / Coordinates Information:			
Kinh độ / Longitude:		Vĩ độ / Latitude:	

7. Thông tin vật nổi tìm thấy / Details of Found Items:

Số lượng Quantity	Tên vật nổi Model	Nhóm Category	Độ sâu Depth (cm)	Kinh độ Long	Vĩ độ Lat

* Lý do chưa hủy nổ / Reason of not destroying items yet:

8. Diện tích (nếu có) / Cleared Area (if applicable):..... m²

PHẦN C: THÔNG TIN HỦY NỔ / SECTION C: DISPOSAL INFORMATION

1. Đội hủy nổ / Disposal Team:	
2. Đội trưởng / Disposal Team Leader:	
3. Ngày hủy nổ / Disposal Date:	
4. Địa điểm hủy nổ / Disposal Place:	Nhập tọa độ điểm Hủy nổ trong bảng Thông tin Tọa độ ở Phần B

Xác nhận của tổ chức báo cáo / Verification by Reporting Organisation

Ngày / Date:	
Họ và tên / Full name:	

8. MẪU NHẬP LIỆU GIẢI PHÓNG ĐẤT – LAND RELEASE REPORT

1. Thông tin chung / General Information

1.1 Mã Nhiệm vụ / LR ID:		1.2 Mã nội bộ / Org. internal ID:	
1.3 Tổ chức quản lý / Managing Organisation:			
1.4 Cơ quan kiểm tra giám sát chất lượng / QM Organisation:			
1.5 Tổ chức báo cáo / Reporting Organisation:			
1.6 Đội báo cáo / Reporting Team:		1.7 Đội trưởng báo cáo / Team Leader:	
1.4 Ngày bắt đầu / Start Date:		1.5 Ngày kết thúc / End Date:	
1.10 Loại hình / Type of Land Release:	<input type="radio"/> Sau RPBM / Post Clearance <input type="radio"/> Sau KSKT / Post Technical Survey		
1.6 Tình trạng / Status:	<input type="radio"/> Hoàn thành / Completed <input type="radio"/> Đình chỉ / Suspended		

2. Thông tin địa lý / Geographical Information

2.1 Thôn, xã, huyện, tỉnh / Name of village, commune, district, province:			
2.2 Thông tin tọa độ / Coordinates Information:			
Kinh độ / Longitude:		Vĩ độ / Latitude:	
2.6 Mô tả điểm tham chiếu và Thông tin tiếp cận / Description of Reference Point and Accessibility:			

3. Thông tin giải phóng đất / Land Release Information

3.1 Phương pháp / Method:

- ☐ Rà bom chùm / Cluster Munition Clearance
☐ Rà mìn / Mine Clearance
- ☐ Rà vật nổ thông thường / Battle Area Clearance
☐ Cơ giới / Mechanical Clearance
- ☐ Chó dò thuốc nổ / Explosive Detecting Dog

3.2 Độ sâu Rà phá / Clearance Depth: (cm)

- ☐ 7cm
☐ 30cm
☐ 3m
☐ 5m
☐ >5m

3.3 Diện tích rà quan sát / Surface Clearance Areasize (m²):

3.4 Diện tích thực rà / Cleared Area (m²):

3.5 Diện tích không rà phá được / Uncleared Area (m²):

3.6 Diện tích rà mở rộng / Fadeout Area (m²):

3.7 Thông tin đình chỉ, hủy / Suspension, Cancellation Information:

Lý do đình chỉ hoặc hủy / Reasons of suspension or cancellation:

Hoàn thành giải phóng / Release Completion (%):

3.9. Thông tin xử lý vật nổ / Found ERW Items

Số lượng Qty	Tên vật nổ Model	Nhóm Category	Độ sâu Depth (cm)	Kinh độ / Longitude (dd.ddddd)	Vĩ độ /Latitude (dd.ddddd)
...					
...					
...					

3.10. Điểm khoanh vùng hiện trường giải phóng đất / Points of Land Release Polygons

Điểm Point	Kinh độ / Longitude (dd.ddddd)	Vĩ độ / Latitude (dd.ddddd)	Điểm Point	Kinh độ / Longitude (dd.ddddd)	Vĩ độ / Latitude (dd.ddddd)
SP			TP5		
TP1			TP6		
TP2			TP7		

TP3			...		
TP4			...		

4. Quản lý chất lượng (QA/QC)

<input type="checkbox"/> 4.1 Đảm bảo chất lượng / Kiểm soát chất lượng nội bộ / Internal QA/QC		<input type="checkbox"/> 4.2 Đảm bảo chất lượng / Kiểm soát chất lượng độc lập / External QA/QC	
4.3 Diện tích kiểm soát chất lượng / Mẫu thử (m ²) Area of QC/Sampling (m ²)		4.4 Độ sâu kiểm soát chất lượng / Mẫu thử (cm) Depth of QC/Sampling (cm)	

5. Thông tin bổ sung / Additional Information

--

8. Xác nhận và Kiểm tra chất lượng / Verification and Quality Check

Quản lý hoạt động Operations Manager		Người báo cáo Reported by	
Họ và tên / Name		Họ và tên / Name	
Ngày / Date		Ngày / Date	

CẤP CHỦ QUẢN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN ĐƠN VỊ.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN
KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BOM Mìn SAU CHIẾN TRANH Ở VIỆT NAM**

1. Nơi nhận

Trung tâm Hành động bom mìn Quảng Trị (QTMAC)	KP1, P. Đông Lễ, Tp. Đông Hà, Quảng Trị Điện thoại: Fax: Email:
Đơn vị Cơ sở dữ liệu (QTMAC/DBU)	KP1, P. Đông Lễ, Tp. Đông Hà, Quảng Trị Điện thoại: Fax: Email:

2. Nơi gửi

Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức yêu cầu	
Địa chỉ:	
Người yêu cầu (họ tên, cấp bậc, chức vụ):	
Điện thoại:	
E-mail/Fax:	

3. Mục đích sử dụng thông tin

<input type="checkbox"/> Phục vụ dự án rà phá bom mìn, vật nổ	<input type="checkbox"/> Phục vụ dự án Hỗ trợ nạn nhân
<input type="checkbox"/> Phục vụ dự án Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn	<input type="checkbox"/> Các hoạt động điều tra nghiên cứu

4. Địa điểm yêu cầu cung cấp thông tin

Xã (phường, thị trấn):		
Huyện (quận, thị xã):		
Tỉnh (thành phố):		
Hệ tọa độ sử dụng (WGS84...)	Tọa độ khu vực	
	Kinh độ:	Vĩ độ:
Mô tả địa điểm:		

5. Quy cách, định dạng của các thông tin yêu cầu cung cấp

Bảng biểu:	<input type="checkbox"/> dạng in	
		<input type="checkbox"/> CD

			<input type="checkbox"/> <i>dạng số</i>		<input type="checkbox"/> <i>Thẻ nhớ</i>
Bản đồ			<input type="checkbox"/> <i>dạng in</i>		
			<input type="checkbox"/> <i>Định dạng file</i>		<input type="checkbox"/> <i>BMP</i>
					<input type="checkbox"/> <i>JPG</i>
Cỡ giấy:	<input type="checkbox"/> <i>A4</i>	<input type="checkbox"/> <i>A3</i>	<input type="checkbox"/> <i>A2</i>	<input type="checkbox"/> <i>A1</i>	<input type="checkbox"/> <i>A0</i>
Tỷ lệ:	<input type="checkbox"/> <i>1:100.000</i>	<input type="checkbox"/> <i>1:50.000</i>	<input type="checkbox"/> <i>1:25.000</i>		<input type="checkbox"/> <i>Tỷ lệ khác:</i>
Số bản:	<input type="checkbox"/> <i>1</i>	<input type="checkbox"/> <i>2</i>	<input type="checkbox"/> <i>Khác:</i>		
Nội dung thể hiện trên bản đồ:					
<input type="checkbox"/> <i>Khu vực ô nhiễm</i>					
<input type="checkbox"/> <i>Khu vực đã được rà phá</i>					
<input type="checkbox"/> <i>Khu vực đã được khảo sát kỹ thuật</i>					
<input type="checkbox"/> <i>Địa điểm xảy ra tai nạn</i>					
<input type="checkbox"/> <i>Các thông tin khác:</i>					

6. Chữ ký và dấu xác nhận

Ngày gửi văn bản yêu cầu:	
Ngày đề nghị chuyển kết quả:	
Người đề nghị ký tên và đóng dấu:	